

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐƠN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 13/2023/DSST
Ngày 01 tháng 6 năm 2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hối.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Phụng và ông Đỗ Tiến Vực.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đơn tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 01/6/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2023/TLST-DS ngày 22/2/2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐST-DS ngày 17/5/2023. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: - Ngân hàng TMCP Q Việt Nam.

Địa chỉ: Tầng 1 và tầng 2, Tòa nhà S, số 111A P, phường B, Quận Y, Tp. Hồ Chí Minh.

+ Người đại diện theo Pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Tổng Giám đốc.

+ Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H – Giám đốc Trung tâm quản lý nợ khách hàng cá nhân, khối quản trị rủi ro.

+ Người được ủy quyền lại tham gia tố tụng:

Ông Phan Văn C – Cán bộ ngân hàng TMCP Q Việt Nam.

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà P, số 26, phường X, Quận B, Tp. HCM (có mặt).

Bị đơn: - Anh Phí Đức Th – sinh năm 2002;

Địa chỉ: Thôn 15, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

(vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày của Ngân hàng TMCP Q Việt Nam và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Văn C trình bày: Ngân hàng TMCP Q Việt Nam ký với ông Phí Đức Th Hợp đồng tín dụng số 3658034.21 ngày 23/4/2021 với nội dung:

Số tiền vay 720.000.000 đồng (bảy trăm hai mươi triệu đồng)

Mục đích vay: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD RANGGER.

Thời hạn vay 96 tháng kể từ 27/04/2021 đến ngày 26/04/2029

Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8.09%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất cơ sở trong kỳ + biên độ 3,5%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12

tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng(+) biên độ 4,1%/năm.

Hoàn trả khoản vay gốc: Vào ngày 05 hàng tháng. Kỳ trả đầu tiên 05/6/2021 mỗi kỳ trả 7.500.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ.

Hoàn trả lãi: vào ngày 05 hàng tháng.

Trả phí: theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ.

Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Ông Phí Đức Th đã nhận đủ tiền vào ngày 23/4/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Phí Đức Th đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Ngày 15/6/2021, ông Th mới thanh toán được 15.920.729 đồng (trong đó gốc 7.500.000 đồng, lãi là 8.420.729 đồng).

Khoản vay có tài sản bảo đảm, theo Hợp đồng thế chấp số 5664202.21 ngày 23/04/2021 là chiếc ô tô biển số 47C-253.13. Tuy nhiên, Ngân hàng TMCP Q Việt Nam không yêu cầu giải quyết đối với tài sản bảo đảm này.

Tính đến ngày 01/6/2023, ông Phí Đức Th còn nợ: 1,039,956,769 đồng (Bằng chữ: Một tỷ không trăm ba mươi chín triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng), trong đó gồm có: Nợ gốc là: 712,500,000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 13,858,938 đồng, nợ lãi quá hạn là: 301,859,021 đồng, nợ lãi phạt là: 11,738,810 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP Q yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn buộc ông Phí Đức Th phải thanh toán số nợ trên và lãi quá hạn kể từ ngày 02/06/2023 cho đến khi ông Phí Đức Th thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Đối với bị đơn :

Ông Phí Đức Th đang chấp hành án tại trại giam Đ – Địa chỉ: Xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 04 tháng 4 năm 2023 Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tiến hành hòa giải tại trại giam Đ, ông Phí Đức Th thừa nhận có vay của Ngân hàng TMCP Q Việt Nam số tiền 720.000.000 đồng (bảy trăm hai mươi triệu đồng) lãi như trình bày của đại diện ngân hàng. Ông Th đã trả được 15.920.790 đồng, trong đó gốc là 7.500.000 đồng, lãi là 8.420.790 đồng. Tính đến thời điểm ngày hòa giải ngày 04/4/2023, ông Th thừa nhận còn nợ:

+ Gốc 712.500.000 đồng.

+ Lãi 300.967.824 đồng

+ Cộng: 1.013.467.824 đồng (một tỷ không trăm mười ba triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng).

Ông Phí Đức Th không tham gia phiên tòa được nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền, ông Phan Văn C giữ nguyên yêu cầu, cụ thể:

Buộc ông Phí Đức Th có nghĩa vụ thanh toán số nợ tính đến ngày 01/6/2023 là: 1,039,956,769 đồng (Bằng chữ: Một tỷ không trăm ba mươi chín triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng), trong đó gồm có: Nợ gốc là: 712,500,000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 13,858,938 đồng, nợ lãi quá hạn là: 301,859,021 đồng, nợ lãi phạt là: 11,738,810 đồng.

Ngoài ra buộc ông Phí Đức Th phải thanh toán lãi quá hạn kể từ ngày 02/06/2023 cho đến khi ông Phí Đức Th thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Tại phiên tòa hôm nay Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thư Ký Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Phí Đức Th vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án:* Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 91 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Điều 91, 92, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2011.

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q Việt Nam.

Buộc ông Phí Đức Th có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Q Việt Nam số tiền 1,039,956,769 đồng (Bằng chữ: Một tỷ không trăm ba mươi chín triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng), trong đó gồm có: Nợ gốc là: 712,500,000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 13,858,938 đồng, nợ lãi quá hạn là: 301,859,021 đồng, nợ lãi phạt là: 11,738,810 đồng.

+ Khoản lãi phát sinh từ ngày xử 01/6/2023 cho đến khi ông Phí Đức Th thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

Đối với việc xử lý tài sản thế chấp ngân hàng TMCP Q không yêu cầu nên không đề cập.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngân hàng TMCP Q Việt Nam khởi kiện yêu cầu ông Phí Đức Th thanh toán số nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 3658034.21 ngày 23/4/202, đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có địa chỉ cư trú

tại Thôn 15, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

Về sự có mặt của đương sự: Ông Phí Đức Th không thể tham gia phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Phí Đức Th.

[2] Về nội dung:

Ông Phí Đức Th đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP Q Việt Nam, theo hợp đồng số 3658034.21 ngày 23/4/2021.

Số tiền vay 720.000.000 đồng (bảy trăm hai mươi triệu đồng)

Mục đích vay: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD RANGGER.

Thời hạn vay 96 tháng kể từ 27/04/2021 đến ngày 26/04/2029.

Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8.09%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất cơ sở trong kỳ +biên độ 3,5%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng(+) biên độ 4,1%/năm.

Hoàn trả khoản vay gốc: Vào ngày 05 hàng tháng. Kỳ trả đầu tiên 05/6/2021 mỗi kỳ trả 7.500.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ.

Hoàn trả lãi: vào ngày 05 hàng tháng.

Trả phí: theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ.

Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Ông Phí Đức Th đã nhận đủ tiền vào ngày 23/4/2021.

Ông Phí Đức Th có nghĩa vụ trả nợ: trả khoản vay gốc vào ngày 05 hàng tháng. Kỳ trả đầu tiên 05/6/2021 mỗi kỳ trả 7.500.000 đồng nhưng ông Th mới thanh toán được 15.920.729 đồng (trong đó gốc 7.500.000 đồng, lãi là 8.420.729 đồng). Nhưng đến các kỳ hạn sau ông Th không thanh toán.

Như vậy ông Th đã không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

Đơn khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần buộc ông Phí Đức Th phải thanh toán các khoản trên cụ thể:

+Số tiền tính đến hết ngày 01/6/2023 là 1,039,956,769 đồng (Bằng chữ: Một tỷ không trăm ba mươi chín triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng), trong đó gồm có: Nợ gốc là: 712,500,000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 13,858,938 đồng, nợ lãi quá hạn là: 301,859,021 đồng, nợ lãi phạt là: 11,738,810 đồng.

+Số tiền lãi phát sinh từ ngày xử 01/6/2023 cho đến khi ông Phí Đức Th thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

Đối với việc xử lý tài sản thế chấp ngân hàng CPTM Q không yêu cầu nên không đề cập.

[4] Về án phí: Vì yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CPTM Q Việt Nam được chấp nhận nên bị đơn ông Phí Đức Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 36.000.000 đồng + (3% x 239.956.789 đồng) = 36.000.000 đồng + 7.198.000 đồng = 43.198.000 đồng (bốn mươi ba triệu một trăm chín mươi tám nghìn đồng)

Ngân hàng CPTM Q Việt Nam không phải chịu án phí. Trả lại số tiền mà nguyên đơn Ngân hàng CPTM Q Việt Nam đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số: 0019257 ngày 22 tháng 2 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Điều 91, 92, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng CPTM Q Việt Nam.

Buộc ông Phí Đức Th có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng CPTM Q Việt Nam các khoản:

+Số tiền tính đến hết ngày 01/6/2023 là 1,039,956,769 đồng (Bằng chữ: Một tỷ không trăm ba mươi chín triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng), trong đó gồm có: Nợ gốc là: 712,500,000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 13,858,938 đồng, nợ lãi quá hạn là: 301,859,021 đồng, nợ lãi phạt là: 11,738,810 đồng.

+Số tiền lãi phát sinh từ ngày xử 01/6/2023 cho đến khi ông Phí Đức Th thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ cụ thể:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 3658034.21 ngày 23/4/2021.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà người phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng CPTM Q Việt Nam theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng.

Về án phí: Ông Phí Đức Th phải chịu 43.198.000 đồng (bốn mươi ba triệu một trăm chín mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng CPTM Q Việt Nam không phải chịu án phí. Trả lại cho Ngân hàng CPTM Q Việt Nam số tiền 16.425.000 đồng (mười sáu triệu bốn trăm hai mươi năm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số:

0019257 ngày 22 tháng 2 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Hối

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TỌA

Nguyễn Trọng Hối

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Hối

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TỌA

Nguyễn Trọng Hối

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Hối

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TỌA

Nguyễn Trọng Hối

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Hối